

NGHỊ QUYẾT

**VỀ GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc phân bổ ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Trên cơ sở Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách Trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Xét Tờ trình số 2597/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể như sau:

1. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia là 882.836 triệu đồng (*Tám trăm tám mươi hai tỷ, tám trăm ba mươi sáu triệu đồng*) tại Phụ lục I kèm theo, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 là 547.172 triệu đồng (*Năm trăm bốn mươi bảy tỷ, một trăm bảy mươi hai triệu đồng*).

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 là 9.754 triệu đồng (*Chín tỷ, bảy trăm năm mươi bốn triệu đồng*).

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 là 325.910 triệu đồng (*Ba trăm hai mươi lăm tỷ, chín trăm mười triệu đồng*).

2. Giao mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Phụ lục II kèm theo.

(Kèm theo Phụ lục I và II)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X - Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022./. *KW*

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: KH và ĐT, TC, KBNN,
Cục thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



Phụ lục I

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA**

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	882.836	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	547.172	
1)	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	93.783	
-	Huyện Càng Long	1.124	
-	Huyện Cầu Kè	1.572	
-	Huyện Cầu Ngang	25.561	
-	Huyện Châu Thành	3.390	
-	Huyện Duyên Hải	7.921	
-	Huyện Tiểu Cần	1.052	
-	Huyện Trà Cú	52.650	
-	Thành phố Trà Vinh	513	
2)	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	28.733	
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN</i>	<i>28.733</i>	
	Huyện Trà Cú	28.733	
3)	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	309.361	

kw

STT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
1	2	3	4
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	309.361	
-	Huyện Càng Long	33.777	
-	Huyện Cầu Kè	37.614	
-	Huyện Cầu Ngang	123.000	
-	Huyện Châu Thành	12.294	
-	Huyện Duyên Hải	10.306	
-	Huyện Tiểu Cần	33.156	
-	Huyện Trà Cú	59.214	
4)	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	79.683	
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	79.683	
	Sở Giáo dục và Đào tạo	79.683	
5)	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	28.555	
	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	28.555	
6)	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	7.057	
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	7.057	
	Sở Thông tin và Truyền thông	7.057	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	9.754	
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	9.754	

STT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
1	2	3	4
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	9.754	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	9.754	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	325.910	
	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng thiết yếu	325.910	
-	Huyện Càng Long	27.730	
-	Huyện Cầu Kè	13.865	
-	Huyện Cầu Ngang	34.662	
-	Huyện Châu Thành	45.060	
-	Huyện Duyên Hải	63.423	
-	Huyện Tiểu Cần	10.399	
-	Huyện Trà Cú	120.372	
-	Thị xã Duyên Hải	10.399	

KW

Phụ lục II

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			
1.1	Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm giai đoạn 2022 - 2025 vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3	
1.2	Xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn			
-	Số xã	Xã	2/2	Xã Hàm Giang và Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú
-	Tỷ lệ xã	%	100	
1.3	Thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn			
-	Số ấp	ấp	5/10	ấp ÔKaĐa (xã Phước Hào), ấp Trà Cú C (xã Kim Sơn), ấp Nguyệt Lăng B (xã Bình Phú), ấp II (xã Phong Thạnh), ấp Sóc Tro Dưới (xã An Quảng Hữu)
-	Tỷ lệ ấp	%	50	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững			
	Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm giai đoạn 2022 - 2025	%	0,5	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới			
3.1	Tình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới		Hoàn thành	
3.2	Cấp huyện			
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	huyện	9	
-	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	huyện	2	
-	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	huyện	1	
3.3	Cấp xã			
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100	
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	70,6	
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	5,9	

KW